

Bản án số: 08/2017/HSST

Ngày 28 - 9 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tổng Duy Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Trá Cheng

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai

2. Ông Ngô Tiến Sơn

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trịnh Ngọc Long - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại nhà văn hóa thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2017/HSST, ngày 28 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo: Vũ Xuân H

Sinh ngày 17 tháng 7 năm 1992, tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Trú tại: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không

Con ông Vũ Văn H (đã chết) và bà Tống Thị Y (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con

Tiền sự: Chưa

Tiền án: Bị cáo có một tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2015/HSST ngày 09/9/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”. Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù cho hưởng án treo ngày 09/11/2016, thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/5/2016.

Ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị bắt tạm giam: 09/6/2017, ngày được cho tại ngoại: Không, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bị hại: Anh Trần Văn P, sinh ngày 26/02/1985

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/3/2017, anh Trần Văn P và các anh: Nghiêm Minh H, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Hồng P vào quán ông Nguyễn Văn C ở thôn P, xã S để ăn đêm. Khi đến quán, anh P cùng anh H và anh N vào quán gọi đồ ăn. Lúc này, trong quán có Vũ Xuân H cùng anh T, chị Hà Thanh N, chị Vũ Thị H là người quen của Vũ Xuân H đang ngồi ăn uống trong quán. Nhìn thấy chị H là người quen, anh P đi sang mời cả mâm một chén rượu, mời xong anh P ngồi nói chuyện với mọi người. Vì không muốn nói chuyện với anh P, nên Vũ Xuân H bảo anh P về bàn của mình, nhưng anh P không nghe, nên Vũ Xuân H bực tức bất ngờ đứng dậy dùng tay phải cầm một chiếc bát sành màu trắng, loại bát dùng để ăn cơm ở trên bàn đập một phát vào trán của anh P. Do lực tác động mạnh, nên chiếc bát văng ra khỏi tay Vũ Xuân H và rơi xuống mặt bàn, anh P bị đánh bất ngờ nên đã cúi xuống, đưa tay lên ôm trán, Vũ Xuân H tiếp tục nhặt bát lên đập tiếp một phát vào vùng cằm của anh P làm anh P bị thương chảy nhiều máu. Thấy vậy, anh H và những người có mặt trong quán đã can ngăn và đưa anh P đi cấp cứu. Đối với Vũ Xuân H sau khi đánh anh P, Vũ Xuân H đã vắng mặt tại địa phương, đến ngày 09/6/2017 thì bị bắt.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 41/2017/GĐTT-TTPY ngày 10/4/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai, kết luận về thương tích tại thời điểm giám định đối với anh Trần Văn P:

+ Một sẹo vùng trán kích thước 4cm x 0,2cm ảnh hưởng đến thẩm mỹ, mức tổn hại sức khỏe là 11% (mười một phần trăm) tại mục 1, phần IV, chương 9 tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y Tâm thần;

+ Một sẹo vùng thái dương-cằm phải kích thước 2cm x 0,2cm, mức tổn hại sức khỏe là 01% (một phần trăm) tại mục 1, phần I, chương 9 tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y Tâm thần.

Tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 12% (mười hai phần trăm); Cơ chế chấn thương: Chấn thương trực tiếp; Vật gây thương tích: Vật cứng có cạnh.

- Tại bản cáo trạng số 07/KSĐT ngày 27/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai truy tố bị can Vũ Xuân H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Áp dụng điểm a,i khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a,m khoản 1, khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Vũ Xuân H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Về dân sự: Trong quá trình điều tra anh Trần Văn P yêu cầu Vũ Xuân H phải bồi thường số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là tiền viện phí, tiền mua thuốc bổ, thực phẩm, đường sữa để bồi dưỡng trong quá trình điều trị, sau khi ra viện, tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại và đề nghị xử lý Vũ Xuân H theo quy định pháp luật. Đến ngày 24/8/2017, bị can Vũ Xuân H đã thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Văn P số tiền là 10.000.000 đồng, anh Trần Văn P đã nhận đủ tiền và không còn yêu cầu gì về dân sự.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 tuyên: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bát sành màu trắng, loại bát dùng để ăn cơm, bát còn nguyên vẹn là hung khí bị can Vũ Xuân H sử dụng để đánh anh Trần Văn P.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc Vũ Xuân H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

- Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, lời khai của người làm chứng, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; chỉ vì bị cáo không muốn nói chuyện với anh P, nên bị cáo bảo anh P về bàn của mình, nhưng anh P không nghe, nên bị cáo bực tức bất ngờ đứng dậy dùng tay phải cầm một chiếc bát sành màu trắng, loại bát dùng để ăn cơm là hung khí nguy hiểm ở trên bàn đập một phát vào trán và một phát vào vùng cằm của anh P làm anh P bị thương chảy nhiều máu, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình nhất định hoặc có thể gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra, cụ thể là để mặc cho anh P bị thương, bị tổn thương cơ thể là 12%; bị cáo không hề có mâu thuẫn gì với anh P, nhưng chỉ vì nguyên do nhỏ nhặt dẫn đến bị cáo gây thương tích cho anh P, rõ ràng bị cáo đã coi thường những quy tắc trong cuộc sống; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình do cố ý, nhưng không mong muốn anh P chết. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai truy tố bị cáo Vũ Xuân H về tội “Cố ý gây thương tích” theo hai tình tiết định khung tại các điểm a,i khoản 1 là “Dùng hung khí nguy hiểm” và phạm tội “Có tính chất côn đồ”, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn tiếp tục thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7

của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 2 năm đến 5 năm là nhẹ hơn khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm, Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm a,m khoản 1 - “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a,i khoản 1, khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14) để xét xử có lợi cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Bản thân bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích và lần phạm tội này do cố ý, nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nên cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, như vậy mới đảm bảo được trật tự xã hội và phục vụ tốt cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm này tại địa phương.

Tuy nhiên, qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “Thành khẩn khai báo”; bị cáo đã tích cực khắc phục xong hậu quả thiệt hại cho người bị hại bằng một khoản tiền, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; người bị hại có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo và bị cáo đã xin lỗi người bị hại công khai tại phiên tòa. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

- Việc bồi thường thiệt hại: Sau khi người bị hại anh Trần Văn P bị thiệt hại về sức khỏe, anh P đã chi phí hợp lý cho việc cứu chữa. Ngày 24/8/2017, người bị hại đã thỏa thuận và nhận được khoản tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả các khoản chi phí hợp lý do anh P bị thiệt hại về sức khỏe. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường đó của người bị hại, bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 585 và khoản 1,2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự, nên cần được chấp nhận. Nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm, đồng thời bị cáo không yêu cầu giải quyết lại về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M có trình bày: ngày 24/3/2017, bị cáo đã gây thương tích cho anh P tại quán ăn của gia đình ông bà. Quá trình hai bên xảy ra xô xát, thì tại quán của gia đình ông C và bà M không bị thiệt hại tài sản gì. Đến ngày 10/4/2017, cơ quan Công an có thu giữ của gia đình ông C và bà M 01 (một) chiếc bát sành màu trắng, loại bát dùng để ăn cơm, bát nguyên vẹn, không bị nứt mẻ là vật chứng của vụ án. Nay ông C và bà M xét thấy chiếc bát đó giá trị không lớn, nên ông C và bà M không yêu cầu các cơ quan pháp luật phải hoàn trả chiếc bát trên cho

ông C và bà M nữa và ông C và bà M cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự liên quan đến vụ việc xô xát tại quán của gia đình ông bà. Xét thấy, việc người có quyền lợi liên quan đến vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đồng thời, xét thấy ông C và bà M không còn liên quan gì đến quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án dân sự đối với phần bồi thường thiệt hại và quyền kháng cáo đối với bản án, do vậy Hội đồng xét xử không đưa ông C và bà M vào bản án.

- Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ của ông C và bà M: 01 (một) chiếc bát sành màu trắng, loại bát dùng để ăn cơm, bát nguyên vẹn, không bị sứt mẻ do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Hiện tại vật chứng này đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai bảo quản, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/7/2017. Xét thấy, vật chứng này do bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội, cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 tịch thu, tiêu hủy.

- Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1,2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14). Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 09/6/2017.

- Việc xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 tuyên: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc bát sành màu trắng, loại bát dùng để ăn cơm, bát nguyên vẹn, không bị sứt mẻ.

- Về nghĩa vụ chịu án phí: Áp dụng khoản 1,2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Xuân H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Bị cáo H;
- Người bị hại;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Công an huyện Si Ma Cai (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (5).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tổng Duy Toán